

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất học kì I
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30 phòng	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường lẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	7868 m ²	7,7m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1533 m ²	1,5 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1620m ²	-
2	Diện tích thư viện (m ²)	110m ²	-
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng.(m ²)	450 m ²	-
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	90 m ²	-
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54 m ²	-
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	54 m ²	-
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	27 m ²	-
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập (m ²)	54 m ²	-
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội. (m ²)	54 m ²	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	30 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	30 bộ	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	6 bộ	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 2	6 bộ	1 bộ/1 lớp
1.3	Khối lớp 3	6 bộ	1 bộ/1 lớp
1.4	Khối lớp 4	6 bộ	1 bộ/1 lớp
1.5	Khối lớp 5	6 bộ	1 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.	/	/



VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	92 bộ	P1: 46, P2:46
IX	Tổng số thiết bị dụng chung khác		
1	Ti vi	31 cái	
2	Cát xét	1 cái	
3	Đầu Video/dầu đĩa	1 cái	
4	Máy chiếu đa vật thể	13 cái	
5	Máy chiếu	1 cái	
6	Bảng tương tác	13 cái	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	130
XI	Nhà ăn	336

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		3/3		0,3 m²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 20/2020/ TT-BGDDT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Gò Vấp, ngày 24 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Phương

